TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15/5/2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia, ông Nguyễn Quang Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, *tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 15/5/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 468/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 19...;

Bị đơn: Ông Hoàng Văn Ng, sinh năm 19...;

Các đương sự cùng nơi cư trú tại ấp Ngọc Lâm ..., xã Phú X, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 10/11/2018 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Năm 2002 các đương sự đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân Lộc, huyện (thành phố) Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống đã chung hạnh phúc, đến năm 2009 phát sinh các mâu thuẫn vợ và chồng, tháng 3/2018 nguyên đơn không còn sống chung với bị đơn đến nay, vợ chồng đã ly thân nhiều lần.

Các đương sự có 01 người con là Hoàng Thanh L, sinh ngày ..., vẫn cư trú, sinh sống với bị đơn, nguyên đơn đồng ý để bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng con.

Vợ chồng không có nợ chung, về tài sản chung không có tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này.

Đến nay, vợ chồng không còn tình nghĩa, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn.

* Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn trình bày ý kiến:

Thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, tài sản chung, nợ chung là đúng sự thật.

Vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên các đương sự không còn sống chung. Bị đơn không đồng ý ly hôn, vẫn còn tình nghĩa với Huỳnh Thị Liên (nguyên đơn).

Trường hợp Tòa án giải quyết vụ án quyết định cho các đương sự ly hôn, bị đơn yêu cầu được nuôi con (không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con) {bút lục số 37}.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau*:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Cuộc sống vợ chồng Liên Nghinh không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ các Điều 51, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Huỳnh Thị L, cho Huỳnh Thị L được ly hôn với Hoàng Văn Ng; giao con Hoàng Thanh L cho Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho Hoàng Văn Ng, khi nào các bên đương sự yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác; về tài sản chung, tài sản riêng trách nhiệm thanh toán nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Huỳnh Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Vi phạm về thời hạn thụ lý vụ án quy định tại khoản 3 Điều 191 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn nuôi dưỡng con nên quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân và gia đình của các đương sự được xác lập năm 2009, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nội dung vụ án:

Hôn nhân giữa các đương sự có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa các đương sự được coi là hợp pháp.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự và tài liệu xác minh của Tòa án là chứng cứ chứng minh: Các đương sự sống chung có nhiều mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng, các đương sự không còn sống chung từ năm 2015 đến nay.

Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ nêu trên, kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp các Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Khoản 2 Điều 13 của Luật cư trú quy định: Người chưa thành niên có thể có nơi cư trú khác với nơi cư trú của cha, mẹ nếu được cha, mẹ đồng ý; khoản 4 Điều 70 của Luật Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Con đã thành niên có quyền lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú; khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con.

Tài liệu hồ sơ vụ án không có chứng cứ chứng minh bị đơn không đủ điều kiện nuôi con. Như vậy, con của các đương sự là Hoàng Thanh L đã sinh sống, cư trú ổn định với bị đơn đến nay. L là người chưa thành niên phải tuân theo ý kiến quyết định của cha mẹ về nơi cư trú, người nuôi dưỡng. Pháp luật có quy định như trên, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến thống nhất của các đương sự: Bị đơn là người trực tiếp nuôi con;

Bị đơn không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không có nợ chung, về tài sản chung không có tranh chấp không có khởi kiện nên Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu ly hôn là phù hợp với các chứng cứ vụ án và các quy định của pháp luật đã nêu trên;

Đối với các vấn đề khác được Kiểm sát viên đề nghị, Hội đồng xét xử giải quyết khi nghị án như sau:

- Giao con Hoàng Thanh L cho bà Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là không đúng với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của Kiểm sát viên;

- Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với đương sự Hoàng Văn Ng là vi phạm Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự (Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện) và tại điểm b khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định Tòa án phải ghi yêu cầu khởi kiện, để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu của đương sự (luật không có quy định Tòa án giải quyết tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng);

- Huỳnh Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Đề nghị của Kiểm sát viên không đúng quy định của pháp luật, tại điểm b khoản 1 Điều 3 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí thì chỉ quy định về "án phí dân sự", "án phí dân sự sơ thẩm", luật không có quy định án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L.

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Hoàng Văn Ng;

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Ghi nhận ý kiến của bà Huỳnh Thị L đồng ý ông Hoàng Văn Ng là người trực tiếp nuôi con đối với Hoàng Thanh L, sinh ngày ... (bị đơn không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con);

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật và có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Các đương sự không khởi kiện về tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008377 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND cấp xã nêu trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Đính